

CHUYÊN ĐỀ NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG



INCOTERMS



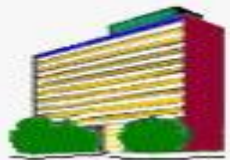
KẾT CẤU BÀI GIẢNG

1. Mục đích và phạm vi áp dụng Incoterms
2. Lịch sử hình thành và phát triển của Incoterms
3. Các điều kiện cơ sở giao hàng trong Incoterms 2010
4. Các lưu ý khi vận dụng Incoterms





SELLER — Export-Trader, Consignor



PORT OF SHIPMENT



PORT OF DESTINATION



BUYER —
Importer, Consignee



1. Mục đích và phạm vi áp dụng Incoterms

- Cung cấp bộ quy tắc quốc tế để giải thích các điều kiện thương mại
- Giúp các bên mua bán tránh những hiểu lầm, tranh chấp và kiện tụng

Mục đích



1. Mục đích và phạm vi áp dụng Incoterms

Phạm vi áp dụng

- Chỉ giới hạn trong các vấn đề có liên quan tới ***quyền và nghĩa vụ của các bên trong HĐ*** đối với việc giao hàng hóa được bán (hàng hóa hữu hình)

2. Lịch sử hình thành và phát triển của Incoterms



International Chamber of Commerce
The world business organization

- Năm 1936: Bộ Incoterms đầu tiên
- Năm 1953: giải thích về 9 điều kiện
- Năm 1967: sửa đổi nội dung của Incoterms 1953
- Năm 1976: Thêm phụ lục của Incoterms 1953
- Năm 1980: Giải thích 14 điều kiện
- Năm 1990: Giải thích 13 điều kiện
- Năm 2000: Giải thích 13 điều kiện trong ĐK TMĐT
- Năm 2010: Giảm xuống còn 11 ĐK



Lịch sử hình thành và phát triển của Incoterms

Incoterms giải quyết 3 vấn đề:

- ✓ Chỉ ra sự phân chia chi phí giao nhận?
- ✓ Chỉ ra sự phân chia trách nhiệm trong giao nhận?
- ✓ Xác định địa điểm di chuyển rủi ro và tổn thất về hàng hóa?





Incoterms[®] 2010

by the International Chamber of Commerce (ICC)

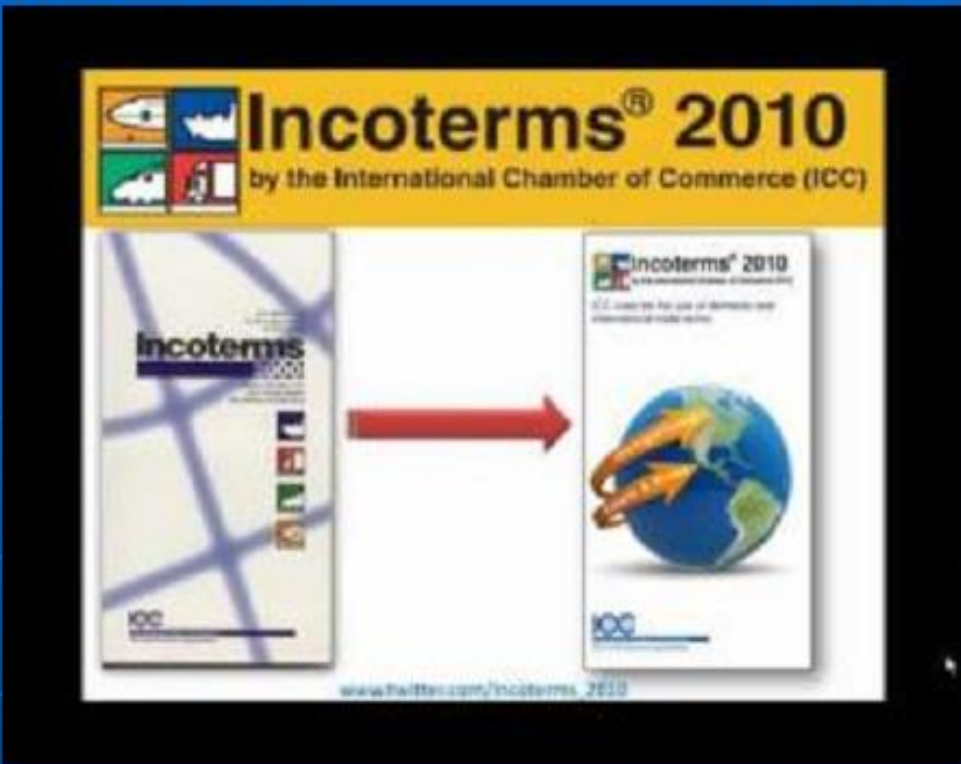
Nội dung chính của Incoterms 2010

Incoterms 2010 có 11 điều kiện được chia làm 2 nhóm chính:

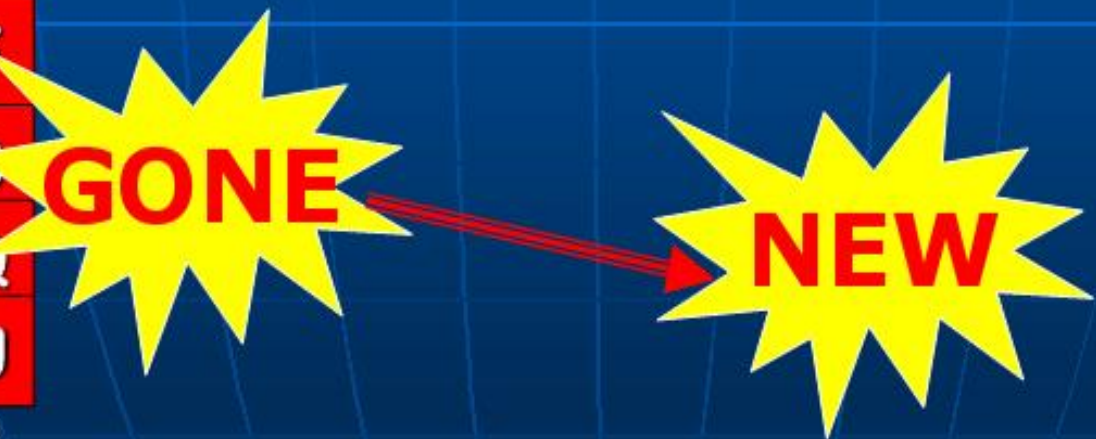
- 1. Nhóm những điều kiện dùng cho một hoặc nhiều phương thức vận tải:** bao gồm 07 điều kiện: EXW, FCA, CPT, CIP, DAT, DAP, DDP
- 2. Nhóm những điều kiện dùng cho vận tải biển và vận tải thủy nội địa:** bao gồm 04 điều kiện: FAS, FOB, CFR, CIF

Từ 13 điều kiện chỉ còn 11 điều kiện vì đã thay thế 4 điều kiện cũ là DAF, DES, DEQ, DDU bằng 2 điều kiện mới là DAT (Giao tại bến -Delivered at Terminal) và DAP(Giao tại nơi đến - Delivered at Place

- 1. EXW
- 2. FCA
- 3. FAS
- 4. FOB
- 5. CFR
- 6. CIF
- 7. CPT
- 8. CIP
- 9. **DAF**
- 10. **DES**
- 11. **DEQ**
- 12. **DDU**
- 13. DDP



- 1. EXW
- 2. FCA
- 3. FAS
- 4. FOB
- 5. CFR
- 6. CIF
- 7. CPT
- 8. CIP
- 9. **DAT**
- 10. **DAP**
- 11. DDP



	BÊN BÁN		BÊN MUA
A1	Nghĩa vụ chung của người bán	B1	Nghĩa vụ chung của người mua
A2	Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác	B2	Giấy phép, kiểm tra an ninh và các thủ tục khác
A3	HĐ vận tải và bảo hiểm	B3	HĐ vận tải và bảo hiểm
A4	Giao hàng	B4	Nhận hàng
A5	Chuyển rủi ro	B5	Chuyển rủi ro
A6	Phân chia phí tổn	B6	Phân chia phí tổn
A7	Thông báo cho người mua	B7	Thông báo cho người bán
A8	Chứng từ giao hàng	B8	Chứng từ giao hàng
A9	Kiểm tra - Đóng gói, Bao bì - Ký mã hiệu	B9	Kiểm tra hàng hóa
A10	Hỗ trợ thông tin và chi phí liên quan	B10	Hỗ trợ thông tin và chi phí liên quan



INCOTERMS 2010

**TERMS
FOR ANY MODE
OR MODES**



EXW

TÊN ĐIỂM GIAO HÀNG

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT

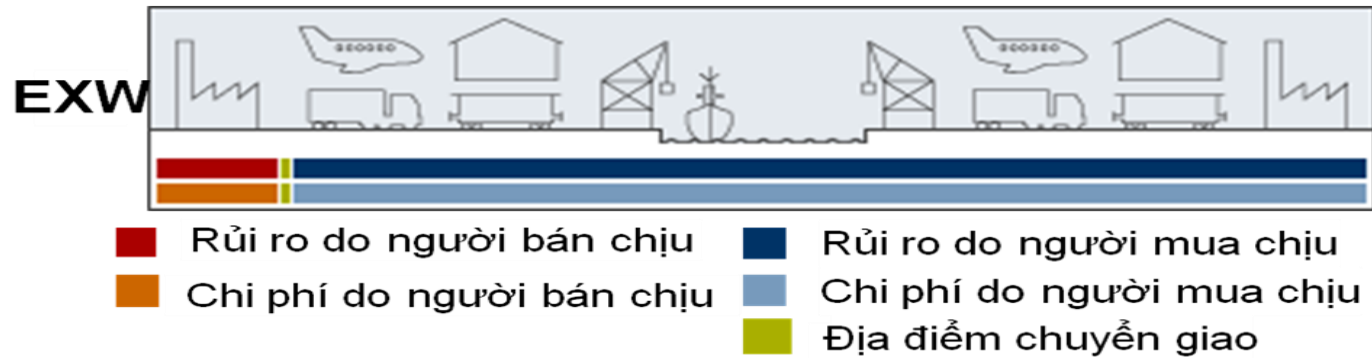


CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện EXW (Giao tại xưởng)



- *Cách quy định:* EXW địa điểm giao hàng, Incoterms 2010
EXW 35 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Người bán phải đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua **tại cơ sở của người bán**. Người mua phải nhận hàng tại địa điểm của người bán, chịu mọi rủi ro và phí tổn để lo việc chuyên chở hàng về điểm đích

Điều kiện EXW (Giao tại xưởng)

- **Lưu ý:**

- ✓ Căn cứ lựa chọn điều kiện EXW:

- + Người mua có khả năng làm thủ tục thông quan XK cho hàng hoá, có kinh nghiệm trong việc thuê phương tiện vận tải và việc vận chuyển hàng hoá quốc tế
- + Người mua có đại diện tại nước XK để có thể trực tiếp kiểm tra và nhận hàng hoá tại cơ sở người bán.
- + Áp dụng khi thị trường thuộc về người bán
- + Thường được các nhà NK lớn (như các đại lí buôn bán tầm cỡ, những cửa hàng lớn) sử dụng khi mua hàng từ những nhà XK nhỏ.

KHO HÀNG



FCA

TÊN ĐIỂM GIAO HÀNG

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT



CÁC CHI PHÍ KHÁC

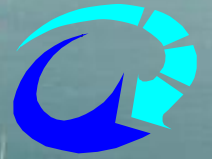
THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện FCA (Giao cho người chuyên chở)



- *Cách quy định:* FCA (địa điểm giao hàng), Incoterms 2010
FCA Sân bay Nội bài, Việt Nam – Incoterms 2010.
- *Tổng quan:* Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi **đã giao hàng cho người chuyên chở do người mua chỉ định** tại cơ sở của người bán hoặc tại địa điểm chỉ định khác sau khi đã hoàn thành thủ tục thông quan xuất khẩu (nếu có) cho hàng hóa.
- *Lưu ý:* *Địa điểm chọn để giao hàng* ảnh hưởng đến trách nhiệm bốc dỡ hàng lên/ra phương tiện vận tải



Container
ở cảng



CPT

TÊN ĐIỂM ĐẾN

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT

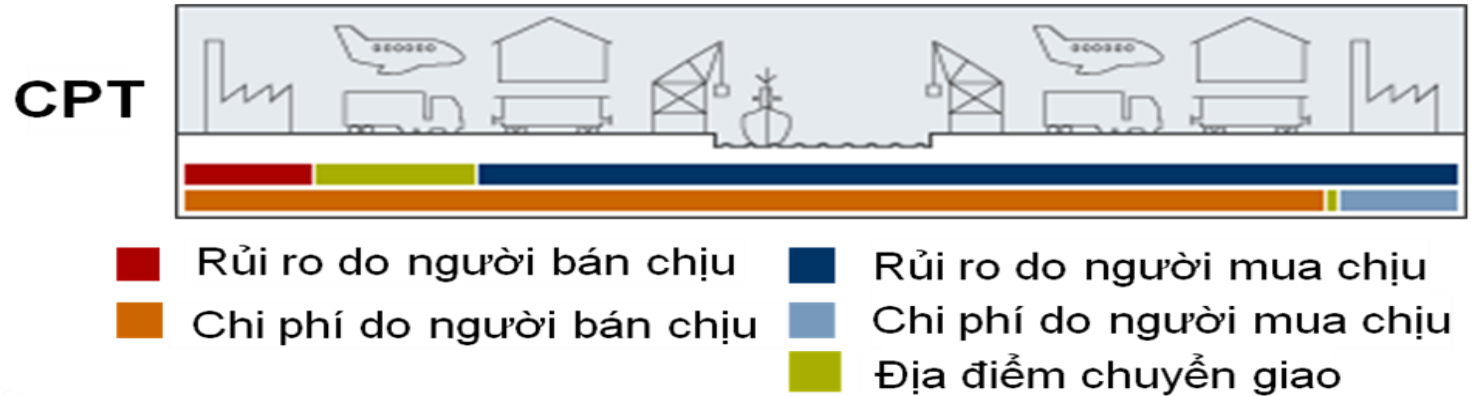


CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

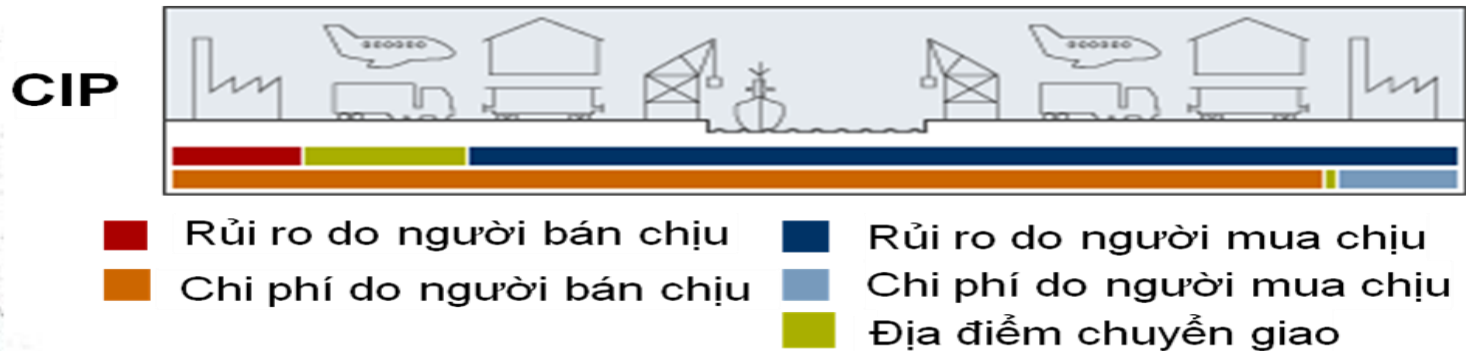
THÔNG QUAN NK

Điều kiện CPT (Cước phí trả tới)



- *Cách quy định:* CPT nơi đến quy định, Incoterms 2010
CPT Noibai Airport, Vietnam – Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi **đã giao hàng cho người chuyên chở hoặc một người khác do người bán chỉ định** và người bán phải ký hợp đồng và trả chi phí vận tải cần thiết để đưa hàng hóa tới địa điểm đến được chỉ định.

Điều kiện CIP (Cước phí và bảo hiểm trả tới)



- Cách quy định:* CIP nơi đến quy định, Incoterms 2010.
CIP Noibai airport, Vietnam – Incoterms 2010
- Tổng quan:* Giống điều kiện CPT. Tuy nhiên người bán còn **phải mua bảo hiểm cho người mua** về mọi rủi ro, mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa trong quá trình vận chuyển

Điều kiện CIP (Cước phí và bảo hiểm trả tới)

- ***Nghĩa vụ mua bảo hiểm***
 - ✓ Mua BH theo quy định của HĐMB
 - ✓ Nếu HĐ không quy định thì mua BH như sau:
 - + Mua tại 1 công ty bảo hiểm có uy tín.
 - + Giá trị bảo hiểm = 110% Giá CIP
 - + Mua bằng đồng tiền của hợp đồng
 - + Mua bảo hiểm theo điều kiện tối thiểu - Điều kiện C của Viện những người bảo hiểm London.
 - + Thời hạn bảo hiểm: Phải bảo vệ được người mua về mất mát hư hỏng hàng hoá trong suốt quá trình vận chuyển.
 - + Giấy chứng nhận bảo hiểm hay bảo hiểm đơn có tính chuyển nhượng.

DAT TÊN BẾN TẠİ CẢNG/ĐIỂM ĐÍCH , , Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT



CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện DAT (giao tại bến)

- *Cách quy định:* DAT nơi đến quy định, Incoterms 2010.
DAT Noibai airport, Vietnam – Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Người bán chịu mọi rủi ro và chi phí để đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua, *sau khi dỡ ra khỏi phương tiện vận tải* tại **một bến chỉ định**, tại cảng hoặc tại nơi đến chỉ định.
- *Bến* bao gồm bất kỳ nơi nào, dù có mái che hay không có mái che, như cầu cảng, kho, bãi container hoặc ga đường bộ, đường sắt hoặc hàng không.
- Người bán làm thủ tục thông quan xuất khẩu hàng hóa *nếu cần*.

DAP

TÊN ĐIỂM ĐÍCH

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỒN THẤT



CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện DAP (giao tại nơi đến)

- *Cách quy định:* DAP nơi đến quy định, Incoterms 2010.
DAP 132 Nguyễn Tuân, Hà Nội, Vietnam – Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Người bán chịu mọi rủi ro và chi phí để đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua *trên pvtv, sẵn sàng để dỡ tại nơi đến chỉ định.*
- Người bán làm thủ tục thông quan xuất khẩu hàng hóa nếu cần.

DDP

TÊN ĐIỂM ĐÍCH

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT

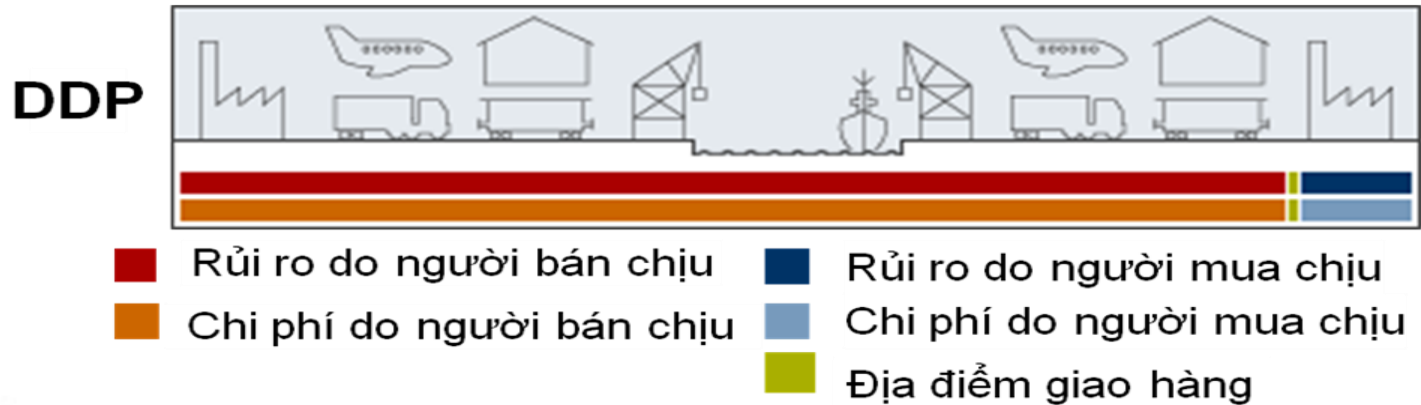


CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện DDP (Giao hàng đã thông quan nhập khẩu)



- *Cách quy định:* DDP nơi đến quy định, Incoterms 2010
DDP 162 Nguyen Van Cu, Long Biên, Ha Noi, Vietnam – Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Người bán giao hàng khi đặt hàng hóa dưới quyền định đoạt của người mua, **đã thực hiện thủ tục thông quan nhập khẩu cho hàng hóa (nếu cần), hàng hóa vẫn trên phương tiện vận tải chở đến và đã sẵn sàng để dỡ hàng tại nơi đến quy định.**

INCOTERMS 2010



**TERMS FOR
SEA AND INLAND
WATERWAY
TRANSPORT**



FAS

TÊN CẢNG XẾP HÀNG

Incoterms® 2010



VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, CHI PHÍ



RỦI RO MẤT MÁT, TỔN THẤT

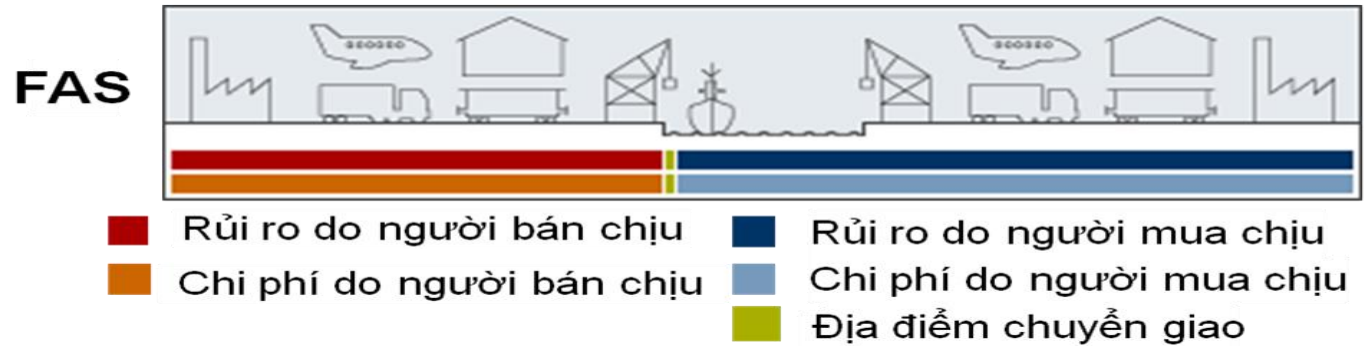


CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÔNG QUAN XK

THÔNG QUAN NK

Điều kiện FAS (Giao dọc mạn tàu)



- *Cách quy định:* FAS cảng bốc hàng quy định, Incoterms 2010.

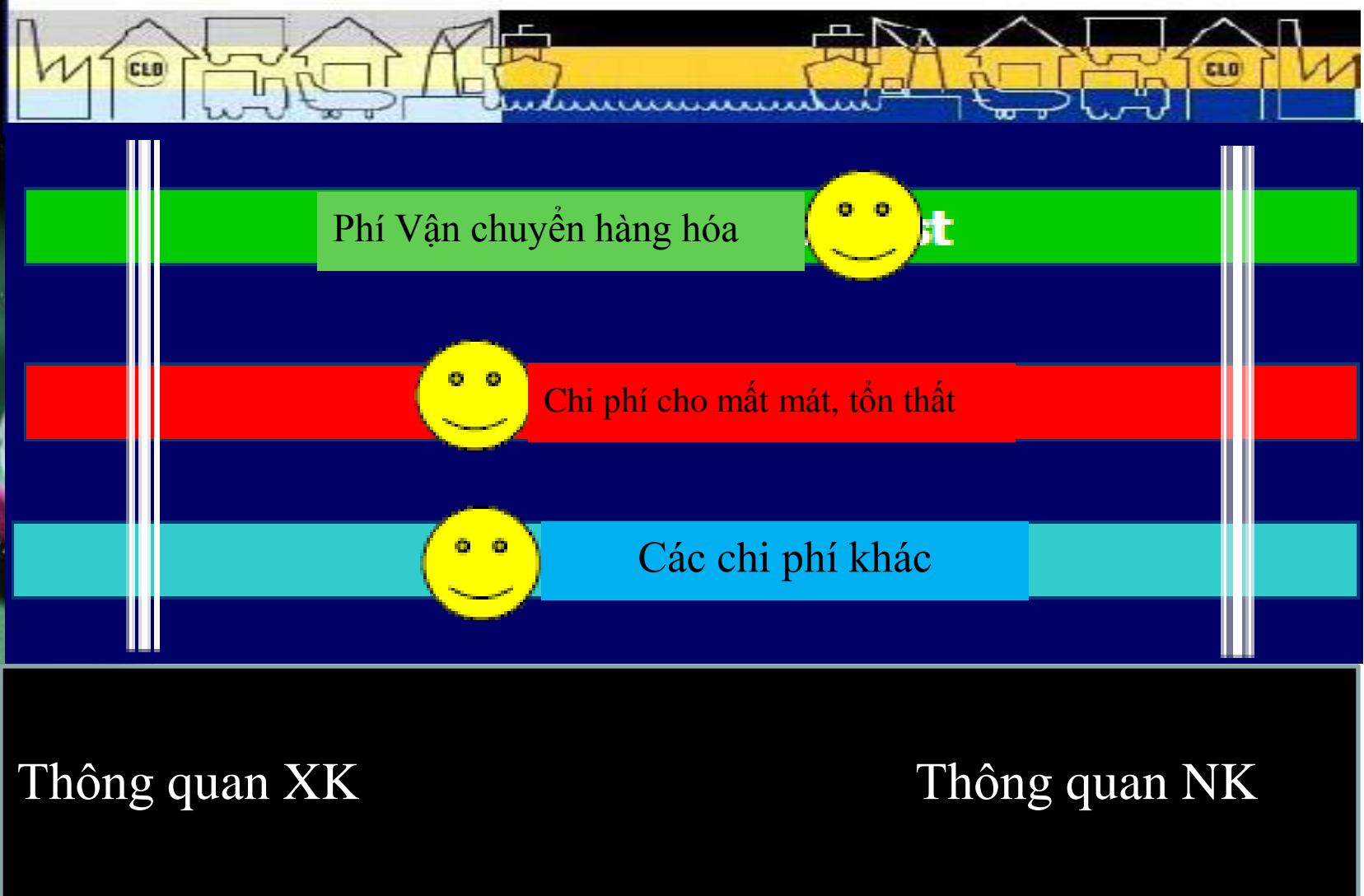
FAS cảng Hải Phòng, Việt Nam – Incoterms 2010

- *Tổng quan:* Bên bán giao hàng khi hàng được **đặt dọc theo mạn con tàu tại cảng bốc hàng** quy định. Bên mua phải chịu mọi chi phí và rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng kể từ thời điểm đó

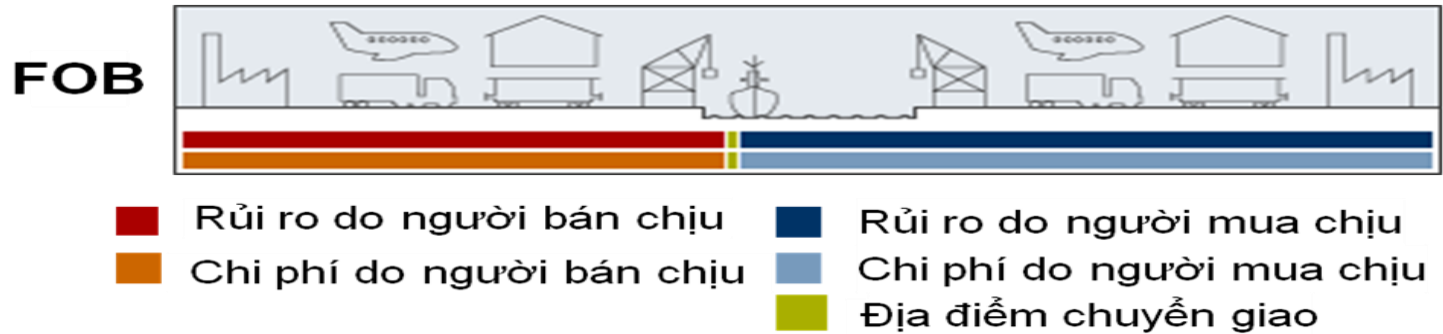
Điều kiện FAS (Giao dọc mạn tàu)

- *Lưu ý:*
 - Giao dọc mạn tàu trong thực tế thường là: Giao tại kè cảng, giao trên xuồng hoặc thuyền nhỏ (tại các cảng mà tàu thuyền lớn không thể vào, hoặc nước nông phải chờ hàng từ các thuyền nhỏ ra)

FOB (tên cảng bốc hàng) Incoterms 2010



Điều kiện FOB (Giao hàng trên tàu)



- *Cách quy định:* FOB cảng bốc quy định, Incoterms 2010

FOB cảng Hải Phòng, Việt Nam – Incoterms 2010

- *Tổng quan:* Người bán **giao hàng lên con tàu** do người mua chỉ định tại cảng xếp hàng chỉ định hoặc mua được hàng hóa đã sẵn sàng để giao như vậy.
- Người bán phải làm thủ tục thông quan XK cho hàng hóa nếu có.

Loading, discharging containers

FOB



Liner terms

from ship's tackle till ship's tackle



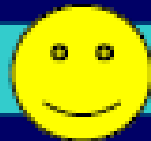
CFR (tên cảng đến) Incoterms 2010



Phí Vận chuyển hàng hóa



Chi phí cho mất mát, tổn thất

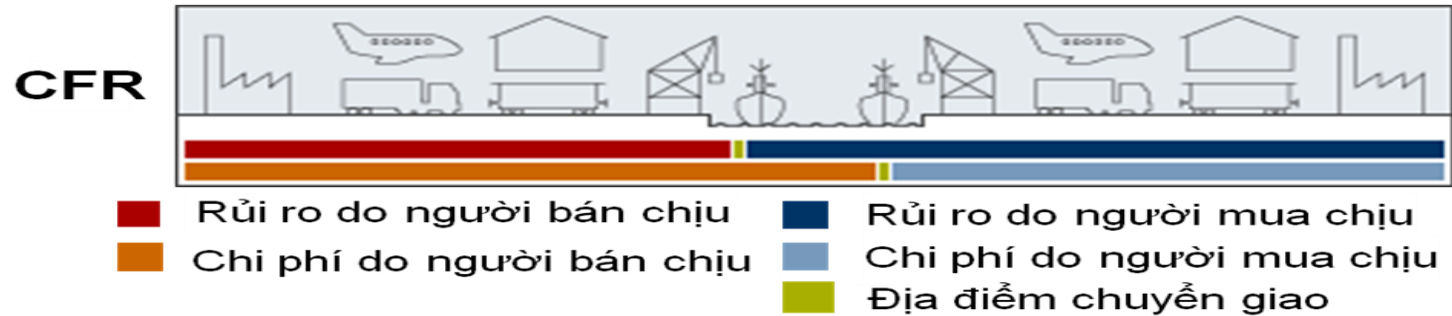


Các chi phí khác

Thông quan XK

Thông quan NK

Điều kiện CFR (Tiền hàng và cước phí)



- *Cách quy định:* CFR cảng đến quy định, Incoterms 2010
CFR cảng Hải phòng, Việt Nam - Incoterms 2010
- *Tổng quan:* Bên bán phải trả tiền hàng và cước phí để mang hàng tới cảng đích quy định NHƯNG lưu ý là rủi ro về hư hỏng và mất mát của hàng hóa đã chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ khi hàng hóa đã đc giao **lên tàu ở cảng bốc hàng** quy định

Điều kiện CFR (Tiền hàng và cước phí)

- ***Nghĩa vụ của người bán***

- ✓ Ký kết hợp đồng vận tải thuê tàu, trả cước

- Nghĩa vụ thuê tàu*

- ✓ Thuê theo quy định của HĐMB
- ✓ Nếu HĐMB không quy định thì Incoterms 2010 quy định thuê tàu theo những điều kiện sau:
 - ✓ Thuê một con thuộc loại thường sử dụng để vận chuyển mặt hàng đó
 - ✓ Tàu đi theo tuyến đường thông thường
 - ✓ Thuê tàu theo những điều kiện thông thường

CIF (tên cảng đến) Incoterms 2010



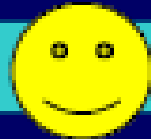
Phí Vận chuyển hàng hóa



at



Chi phí cho mất mát, tổn thất

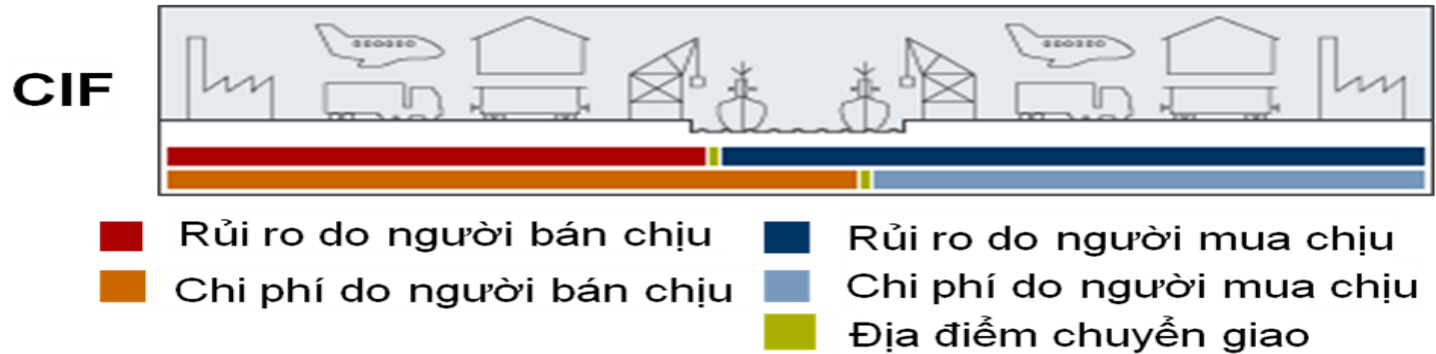


Các chi phí khác

Thông quan XK

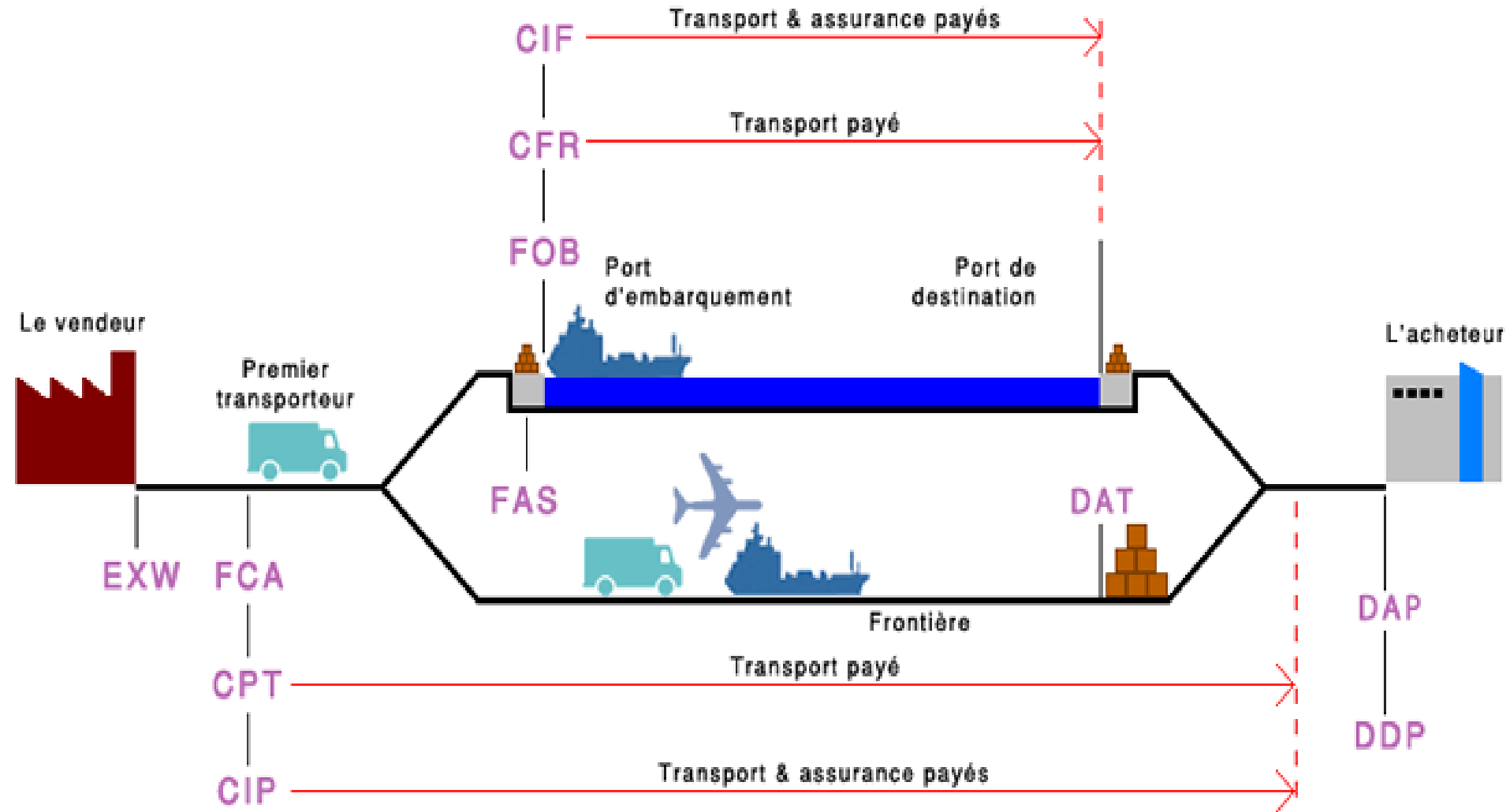
Thông quan NK

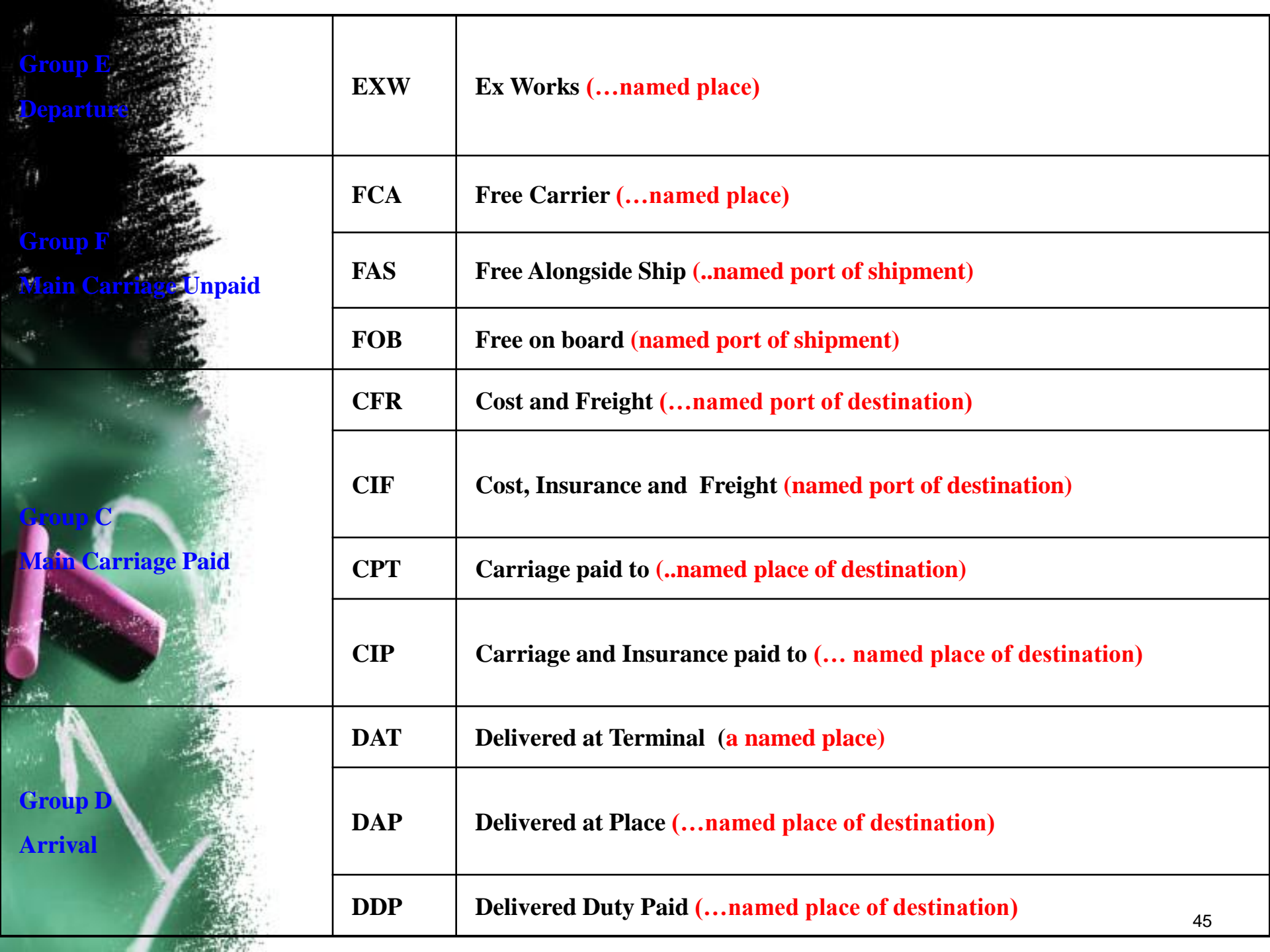
Điều kiện CIF (Tiền hàng, bảo hiểm và cước phí)



- *Cách quy định:* CIF cảng đến quy định, Incoterms 2010
CIF cảng Hải Phòng, Việt Nam – Incoterms 2010.
- *Tổng quan:* Giống điều kiện CFR. Tuy nhiên người bán chịu thêm trách nhiệm **mua bảo hiểm** cho hàng hóa

Nội dung chính của Incoterms 2010





Group E
Departure

EXW

Ex Works (...named place)

Group F
Main Carriage Unpaid

FCA

Free Carrier (...named place)

FAS

Free Alongside Ship (..named port of shipment)

FOB

Free on board (named port of shipment)

Group C
Main Carriage Paid

CFR

Cost and Freight (...named port of destination)

CIF

Cost, Insurance and Freight (named port of destination)

CPT

Carriage paid to (..named place of destination)

CIP

Carriage and Insurance paid to (... named place of destination)

Group D
Arrival

DAT

Delivered at Terminal (a named place)

DAP

Delivered at Place (...named place of destination)

DDP

Delivered Duty Paid (...named place of destination)

Công thức giá CIF

$$\text{CIF} = \text{FOB} + \text{F} + \text{I}$$

$$\text{CIF} = (\text{C} + \text{F}) / (1 - \text{R})$$

- + I : Như thế nào? Ai mua, Mua ở đâu, mua theo điều kiện gì, mua bằng đồng tiền gì?
- + F: Liên quan tới việc thuê tàu: Ai thuê, ai chịu chi phí, thuê tàu như thế nào?...
- + Thực chất tất cả các chi phí liên quan tới I và F là ai phải trả???

Tình huống:

Chọn điều kiện thích hợp theo Incoterms 2010:

Nhà XK thuê tàu, mua bảo hiểm và giao hàng lên tàu tại cảng bốc hàng là hết trách nhiệm.

Tính giá cho trường hợp trên biết:

Giá EXW: 200 USD

Chi phí bốc hàng tại xưởng: 2 USD

Chi phí vận chuyển trong nước XK/NK: 8 USD/10 USD

Chi phí vận chuyển ngoại thương: 30 USD

Phí bốc hàng/dỡ hàng tại cảng bốc, cảng dỡ: 3 USD/4 USD

Lệ phí thông quan XK/NK: 3 USD/5 USD

Thuế XK: 0%

Thuế NK: 10% giá NK tại CK nhập

Phí bảo hiểm: 2 USD

So sánh giá khi ký hợp đồng XNK

DN VN xuất khẩu chào các giá khác nhau xuất khẩu sang Mỹ:

EXW Đà Lạt: 300 USD/MT

FOB Sài Gòn: 350 USD/MT

CIF New York: 500 USD/MT

Biết phí xuất khẩu bằng 0%, lệ phí hải quan: 5 USD/MT, chi phí bốc hàng từ cơ sở + phí vận chuyển đến cảng + phí bốc hàng lên tàu là 65 USD/MT, chi phí vận chuyển từ cảng SG đến New York là 130 USD/MT. Biết $R = 0.2\%$.

Hỏi doanh nghiệp Mỹ nên chọn giá nào?

4. Các lưu ý khi vận dụng Incoterms

- Chỉ là tập quán, không bắt buộc áp dụng
- Chỉ sử dụng trong thương mại hàng hóa hữu hình
- Cần ghi rõ năm ban hành để tránh nhầm lẫn
- Quy định rõ các điều kiện trong hợp đồng: Incoterms chỉ có giá trị bắt buộc đối với các bên nếu được quy định rõ trong hợp đồng
- Quy định địa điểm càng rõ càng tốt: VD: FCA số 1 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam Incoterms 2010
- Khi giao hàng bằng container, xà lan, cần chuyển sang các điều kiện FCA, CPT, CIP

4. Các lưu ý khi vận dụng Incoterms

- Incoterms 2010 dùng cho cả TMQT và nội địa
- Chọn điều kiện phù hợp: phải phù hợp với hàng hóa, phương tiện vận tải
- ✓ VD: Hợp đồng mua bán than không thể quy định là FCA tại sân bay, vì không sử dụng máy bay để chở than, mà thường dùng tàu biển để chở (nên chọn FOB cảng bốc hàng)
- ✓ VD: Vận chuyển bằng máy bay sẽ không sử dụng điều kiện FOB hay CFR, CIF mà thay bằng FCA, CPT và CIP

4. Các lưu ý khi vận dụng Incoterms

Các vấn đề Incoterms không giải quyết:

- Việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa
- Hậu quả của những hành vi vi phạm hợp đồng
- Việc giải trừ nghĩa vụ và miễn trừ trách nhiệm khi gặp trường hợp bất khả kháng.
- Hàng hóa vô hình

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ



Nội dung lưu ý

- Khái niệm HĐMBHHQT
- Điều kiện hiệu lực của HĐMBHHQT
- 6 điều khoản chủ yếu của HĐ:
 - ✓ Tên hàng
 - ✓ Số lượng
 - ✓ Phẩm chất
 - ✓ Giá cả
 - ✓ Giao hàng
 - ✓ Thanh toán

Khái niệm HĐMBHHQT

Là *sự thoả thuận* giữa các đương sự có trụ sở kinh doanh ở các nước khác nhau, theo đó một bên gọi là bên xuất khẩu có nghĩa vụ chuyển vào quyền sở hữu của một bên khác gọi là bên nhập khẩu một tài sản nhất định, gọi là hàng hoá; bên mua có nghĩa vụ nhận hàng và trả tiền hàng.

Điều kiện hiệu lực

- Đối tượng HĐ hợp pháp
- Chủ thể của HĐ hợp pháp
- Nội dung HĐ hợp pháp
- Hình thức HĐ hợp pháp



6 điều khoản chủ yếu của HĐ

Điều khoản tên hàng

- Tên thương mại + tên thông thường + tên khoa học.
- Tên hàng + xuất xứ
- Tên hàng + tên nhà sản xuất
- Tên hàng + nhãn hiệu
- Tên hàng + quy cách phẩm chất chính
- Tên hàng + công dụng

Điều khoản số lượng

- Đơn vị tính
- Phương pháp quy định số lượng: quy định chính xác; quy định phỏng chừng (dung sai)
- Phương pháp quy định trọng lượng: trọng lượng cả bì; trọng lượng tịnh

Điều khoản chất lượng

- Dựa vào mẫu hàng
- Dựa vào tiêu chuẩn và phẩm cấp
- Dựa vào hàm lượng chất chủ yếu
- Dựa vào quy cách phẩm chất của hàng hoá
- Dựa vào tài liệu kỹ thuật
- Dựa vào mô tả hàng hoá

Điều khoản giá cả

- Đơn giá
 - Tổng giá
- } Đồng tiền tính giá
- ĐKCSGH
 - Phương pháp quy định giá: quy định giá cố định; quy định giá linh hoạt; quy định giá sau; quy định giá di động

Điều khoản giao hàng

- Thời điểm giao hàng
- Địa điểm giao hàng
- Thông báo giao hàng
- Hướng dẫn giao hàng



Điều khoản thanh toán

- Đồng tiền thanh toán
- Thời hạn thanh toán
- Phương thức thanh toán
- Các chứng từ thanh toán

Bài tập tình huống

Anh/Chị hãy phân tích các điều khoản của bản hợp đồng xuất khẩu gạo giữa người bán là công ty ABC (Việt Nam) và người mua là công ty XYZ (Hà Lan) sau:

- 1. Tên hàng: gạo
- 2. Số lượng: 5,000 MT
- 3. Chất lượng: Độ tấm: 2%
Hạt vỡ: 0,2%
- 4. Giá cả: 460 USD / MT. FOB
- 5. Giao hàng: Trong tháng 3/2009
- 6. Cảng dỡ hàng: Cảng Rosterdam
- 6. Thanh toán: bằng L/C
Chứng từ thanh toán:
 - + Hóa đơn thương mại
 - + Vận đơn

CHỨNG TỪ VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG



KẾT CẤU BÀI GIẢNG

I/ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

III/ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG



II VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

- 1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn đường biển
- 2/ Phân loại vận đơn đường biển
- 3/ Nội dung của vận đơn đường biển



1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn đường biển (B/L)

- **Khái niệm:**

Vận đơn đường biển là chứng từ chuyên chở hàng hóa đường biển do người chuyên chở hoặc đại diện người chuyên chở phát hành cho người gửi hàng sau khi hàng hóa đã được xếp lên tàu hoặc sau khi nhận hàng để xếp

1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn đường biển (B/L)

- **Chức năng:**

Luật pháp các nước đều thừa nhận vận đơn đường biển có 3 chức năng cơ bản sau:

- Là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở
- Là biên lai nhận hàng để chở của người chuyên chở
- Là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hàng hóa ghi trên vận đơn

2/ Phân loại vận đơn đường biển

- **Căn cứ vào trình trạng xếp dỡ:**
 - Vận đơn xếp hàng (Shipped on board B/L): Cấp khi hàng đã thực sự xếp lên tàu -> Phổ biến
 - Vận đơn nhận hàng để xếp (Received for shipment B/L): Cấp khi nhận hàng để xếp lên tàu ghi trên B/L.

2/ Phân loại vận đơn đường biển

- **Căn cứ vào nhận xét, ghi chú trên vận đơn:**
 - Vận đơn hoàn hảo (clean B/L): B/L không có ghi chú xấu hay ghi chú bảo lưu của thuyền trưởng về hàng hóa hoặc tình trạng bên ngoài của hàng hóa.-> bằng chứng việc xếp hàng tốt.
 - Vận đơn không hoàn hảo (unclean B/L): B/L có ghi chú xấu về hàng hoặc tình trạng bên ngoài của hàng hóa. VD: bao bì bị rách, ký hiệu không rõ ràng.

2/ Phân loại vận đơn đường biển

- **Căn cứ vào khả năng lưu thông của vận đơn:**
 - Vận đơn đích danh (straight B/L): Ghi rõ tên, địa chỉ của người nhận hàng.
 - Vận đơn theo lệnh (B/L to order): Không ghi rõ tên người nhận. Ghi theo lệnh của người gửi hàng, nhận hàng hoặc ngân hàng-> có thể chuyển nhượng bằng ký hậu.
 - Vận đơn vô danh (B/L to bearer): Rủi ro với người gửi hàng vì người nào có B/L đều nhận được hàng.

2/ Phân loại vận đơn đường biển

- **Căn cứ vào hành trình chuyên chở của hàng hóa:**
 - Vận đơn đi thẳng (Direct B/L): Cảng đi -> đến
 - Vận đơn chở suốt (Through B/L): Đi bằng 2 hoặc nhiều con tàu, có chuyển tải dọc đường
 - Vận đơn vận tải đa phương thức (Combined transport B/L): Chuyên chở bằng 2 hoặc nhiều phương thức vận tải, trong đó có vận tải đường biển.

2/ Phân loại vận đơn đường biển

- **Một số loại vận đơn khác:**
 - Vận đơn của người giao nhận
 - Vận đơn đã xuất trình (Surrendered B/L)
 - Vận đơn bên thứ ba (Third Party B/L)

3/ Nội dung của vận đơn đường biển

Vận đơn thường gồm 2 mặt

Mặt trước:

- Tên, địa chỉ người phát hành B/L
- Số vận đơn
- Người xếp hàng
- Người nhận hàng
- Địa chỉ thông báo
- Thông tin về tàu vận chuyển
- Cảng xếp – cảng dỡ, cảng chuyển tải (nếu có)

3/ Nội dung của vận đơn đường biển

Mặt trước (tiếp):

- Những thông tin về hàng
- Cước phí
- Ngày xếp hàng lên tàu hay ngày nhận hàng
- Số bản vận đơn gốc phát hành
- Ngày và nơi phát hành B/L
- Ký vận đơn

3/ Nội dung của vận đơn đường biển

Mặt sau:

- Các khái niệm.
- Trách nhiệm của người chuyên chở.
- Miễn trách của người chuyên chở.
- Quy định về xếp, dỡ, bảo quản hàng hóa.
- Cước phí và phụ phí.
- Điều khoản về chiến tranh, đình công, bạo động, nổi loạn dân sự.
- Điều khoản về chậm giao hàng.
- Điều khoản về tổn thất chung.
- Điều khoản hai tàu đâm, va nhau cùng có lỗi.
- Điều khoản tối cao.

II/ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

- 1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn hàng không
- 2/ Phân loại vận đơn hàng không
- 3/ Nội dung của vận đơn hàng không
- 4/ Lập và phân phối vận đơn hàng không



1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn hàng không

- **Khái niệm**

Vận đơn hàng không là một chứng từ vận chuyển hàng hóa và là bằng chứng của việc ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng máy bay về điều kiện của hợp đồng và việc đã tiếp nhận hàng hóa để vận chuyển.

1/ Khái niệm và chức năng của vận đơn hàng không

- **Chức năng:**

- Là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở đã được ký kết giữa người chuyên chở và người gửi hàng
- Là bằng chứng của việc nhận hàng để chở của người chuyên chở
- Là hóa đơn thanh toán cước phí (nếu trên AWB thể hiện cước phí và chi phí đã thu)
- Là giấy chứng nhận bảo hiểm (khi chủ hàng mua bảo hiểm tại hãng hàng không)
- Là chứng từ khai báo hải quan
- Là bản hướng dẫn đối với nhân viên hàng không

2/ Phân loại vận đơn hàng không

- **Căn cứ vào người phát hành:**
 - Vận đơn của hãng hàng không (Airline AWB): Do hãng hàng không phát hành, trên vận đơn có ghi biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở
 - Vận đơn trung lập (Neutral airway bill): Do người khác chứ không phải do người chuyên chở phát hành hành. Trên vận đơn không có biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở

2/ Phân loại vận đơn hàng không

- **Căn cứ vào việc gom hàng:**
 - Vận đơn chủ (Master AWB): Hãng hàng không cấp cho người gom hàng nếu lô hàng có nhiều người gửi và nhiều người nhận.
 - Vận đơn gom hàng (House AWB): B/L mà người gom hàng/ giao nhận cấp cho người gửi hàng (chủ hàng lẻ) khi nhận hàng từ họ để các chủ hàng lẻ có vận đơn đi nhận hàng ở nơi đến.

3/ Nội dung của vận đơn hàng không

- Nội dung mặt trước:
 - Mặt trước của tờ vận đơn bao gồm các ô, cột, dòng in sẵn để trống được chia thành 2 phần: phần do chủ hàng điền những thông tin có liên quan, phần do người chuyên chở điền.
 - Một số nội dung mặt trước:
 - + Số vận đơn (AWB number).
 - + Sân bay xuất phát (Airport of departure).
 - + Tên và địa chỉ của người phát hành vận đơn (Issuing carrier's name and address).
 - + Tham chiếu tới các bản gốc (Reference to originals).
 - + Tham chiếu tới các điều kiện của hợp đồng (Reference to conditions of contract).
 - + Người chủ hàng (Shipper).
 - + Người nhận hàng (Consignee).

3/ Nội dung của vận đơn hàng không

- Một số nội dung mặt trước:
 - + Đại lý của người chuyên chở (Issuing carrier's agent).
 - + Tuyến đường (Routine).
 - + Thông tin thanh toán (Accounting information).
 - + Tiền tệ (Currency).
 - + Mã thanh toán cước (Charges codes).
 - + Cước phí và chi phí (Charges).
 - + Giá trị kê khai vận chuyển (Declare value for carriage).
 - + Giá trị khai báo hải quan (Declare value for customs).
 - + Số tiền bảo hiểm (Amount of insurance).

3/ Nội dung của vận đơn hàng không

- Một số nội dung mặt trước:
 - + Thông tin làm hàng (Handing information).
 - + Số kiện (Number of pieces).
 - + Các chi phí khác (Other charges).
 - + Cước và chi phí trả trước (Prepaid).
 - + Cước và chi phí trả sau (Collect).
 - + Ô ký xác nhận của người gửi hàng
 - + Ô dành cho người chuyên chở
 - + Ô chỉ dành cho người chuyên chở ở nơi đến
 - + Cước trả sau bằng đồng tiền ở nơi đến, chỉ dùng cho người chuyên chở

3/ Nội dung của vận đơn hàng không

- **Nội dung mặt sau:**

Mặt sau của vận đơn hàng không bao gồm hai nội dung chính:

- + Thông báo liên quan đến trách nhiệm của người chuyên chở.
- + Các điều kiện hợp đồng.

[bo chung tu.PDF](#)



4/ Lập và phân phối vận đơn hàng không

- **Lập AWB:**
 - ✓ Lập AWB nghĩa là điền thông tin vào các ô, cột, dòng đã được in sẵn theo yêu cầu của mẫu vận đơn
 - ✓ Các nguồn luật quốc tế quy định, trách nhiệm lập AWB thuộc người gửi hàng

4/ Lập và phân phối vận đơn hàng không

- **Phân phối AWB:**

Khi phát hành vận đơn cho một lô hàng, người ta phát hành vận đơn gồm nhiều bản khác nhau. AWB được phát hành thành một bộ 9 hoặc 12 bản trong đó có 3 bản gốc (Original) được đánh số 1, 2, 3; còn lại là các bản phụ (Copy), được đánh số từ 4 đến 12.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ



PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Phương thức thanh toán:

Là cách thức tiến hành việc đòi và trả tiền giữa người bán và người mua được quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương.

- ***Thanh toán như thế nào? (How to pay)***
- ***Công cụ chính cần sử dụng để thực hiện thanh toán là gì? (By what to pay)***

MỤC ĐÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TRONG TTQT

* Đối với người bán:

- Đảm bảo thu tiền về an toàn, chính xác, đầy đủ, kịp thời.
- Giá trị HĐ thu về không bị mất giá trong trường hợp tiền tệ biến động.
- Mở rộng quan hệ buôn bán.
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, thu tiền càng nhanh, càng tốt.

MỤC ĐÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TRONG TTQT

* Đối với người mua:

- Đảm bảo nhận hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn.
- Mở rộng quan hệ buôn bán.
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, trả tiền càng chậm càng tốt.



PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phương thức thanh toán chủ yếu các doanh nghiệp Việt nam thường áp dụng trong thanh toán quốc tế:

- **Chuyển tiền (*Remittance*)**
- **Nhờ thu (*Collection*)**
 - + ***Nhờ thu trơn (clean collection)***
 - + ***Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary collection)***
- **Tín dụng chứng từ (*Documentary credits*)**

PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

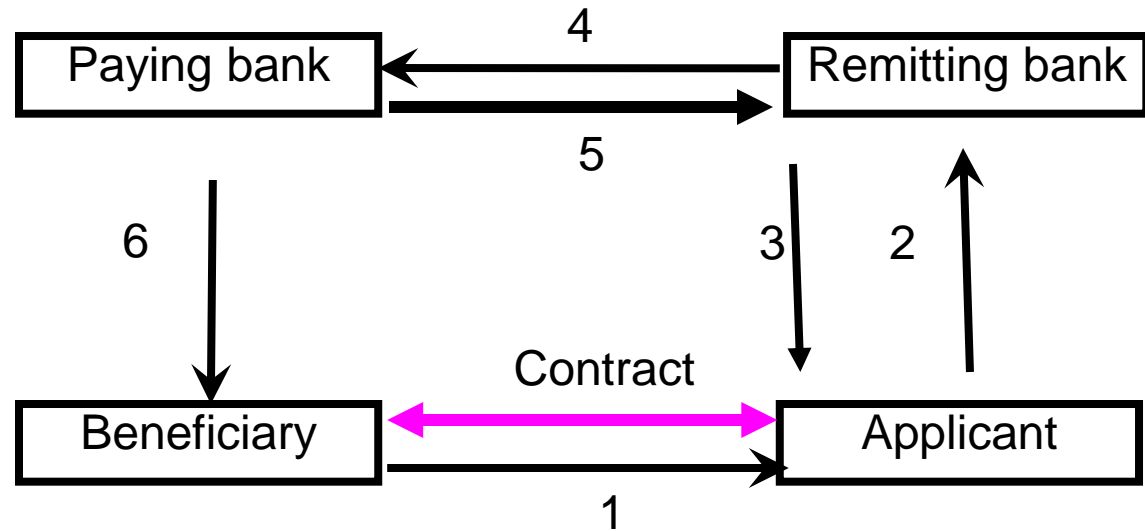
a. Khái niệm:

Là một phương thức thanh toán mà người mua, con nợ hay là người muốn chuyển tiền yêu cầu ngân hàng đại diện cho mình chuyển một số tiền nhất định cho một người nào đó đến một nơi nào đó bằng phương tiện mà mình đề ra.

b. Các bên tham gia:

- Người yêu cầu chuyển tiền (ORDER)
- Người hưởng lợi (BENEFICIARY)
- Ngân hàng chuyển tiền (REMITTING BANK)
- Ngân hàng trả tiền (PAYING BANK)

c. Quy trình chuyển tiền



1. Giao hàng và chứng từ
2. Yêu cầu chuyển tiền
3. Ngân hàng chuyển tiền Ghi nợ TK của người yêu cầu chuyển tiền
4. Ngân hàng chuyển tiền phát lệnh thanh toán cho NH trả tiền (P/O bằng T/T hoặc M/T)
5. Báo nợ TK ngân hàng chuyển tiền
6. Ngân hàng trả tiền báo có cho người hưởng lợi

CHUYÊN TIỀN

d. Nhận xét về phương thức chuyển tiền:

- Luật áp dụng: Pháp lệnh ngoại hối VN 2006
- Quyền lợi thuộc về người NK
- Vai trò của Ngân hàng thấp
- Trường hợp áp dụng: người XK, NK tin cậy nhau
- Hạn chế:
 - + Việc trả tiền phụ thuộc vào thiện chí của người NK
 - + Người NK thường trả tiền chậm

PHƯƠNG THỨC NHỜ THU

1. ***Giới thiệu về URC (Uniform Rules for Collection - Nguyên tắc thống nhất về nhờ thu) - Văn bản quốc tế điều chỉnh phương thức thanh toán nhờ thu***
 - Ban hành đầu tiên năm 1956: Nguyên tắc nhờ thu chứng từ thương mại.
 - 3 lần sửa đổi năm 1967; 1978 và 1995.
 - Uniform Rules for the Collection – URC 522, ICC, 1995 – Quy tắc thống nhất về nhờ thu URC 522, ICC, 1995 do Phòng thương mại quốc tế soạn thảo năm 1995.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLECTION)

2. *Khái niệm*

Người bán chủ động đòi tiền người mua bằng cách gửi đến NH hối phiếu đòi tiền và các chứng từ có liên quan sau khi đã giao hàng cho người mua.

3. *Đặc điểm của nhờ thu:*

- Căn cứ nhờ thu là chứng từ (documents), không phải là hợp đồng.
- Vai trò của ngân hàng chỉ là người trung gian.
- Nhờ thu trong thương mại chỉ xảy ra sau khi người bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (lập chứng từ).

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

4. Các chứng từ nhờ thu:

- **Chứng từ tài chính:** bao gồm các chứng từ như Hối phiếu, séc, Kỳ phiếu, hoặc các chứng từ tương tự khác mà mục đích là để thu tiền.
- **Chứng từ thương mại:** các chứng từ như hoá đơn, chứng từ vận tải, các chứng từ nói về quyền sở hữu đối với hàng hoá hoặc bất kỳ chứng từ nào khác không phải là chứng từ tài chính thì được gọi là chứng từ thương mại.

HỒI PHIẾU THEO PHƯƠNG THỨC L/C

NO 134/EX (4)

(2) HANOI 22 MARCH 2011 (3)

FOR USD 100,000.00 (5)

BILL OF EXCHANGE (1)

AT (6) SIGHT OF THIS FIRST OF BILL OF EXCHANGE (7)
(SECOND OF THE SAME TENOR AND DATE UNPAID) PAY TO
(8) THE ORDER OF BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM
THE SUM OF UNITED STATES DOLLARS ONE HUNDRED
THOUSAND ONLY (9).

VALUE RECEIVED AND CHARGE THE SAME TO ACCOUNT OF
(9A) FAMOUS BID CO LTD HONGKONG

DRAWN UNDER THE DELTA BANK LTD (9B)

L/C NO.DTBILS06 DATED 09 MARCH 2011 (9C)

TO: THE DELTA BANK LTD

TOCONTAP COMPANY

HONGKONG (10A)

HANOI, VIETNAM (10B)

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

5. Các bên tham gia trong phương thức nhờ thu

- **Drawer (Principle)** - Người nhờ thu: người xuất khẩu.
- **Drawee** - Người có nghĩa vụ trả tiền: người nhập khẩu.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

- **Remitting Bank – Ngân hàng chuyển:** là Ngân hàng đại diện cho người nhờ thu, ngân hàng này có nghĩa vụ tiếp nhận chứng từ từ người uỷ thác nhờ thu theo những điều kiện mà người nhờ thu đặt ra để thu hộ tiền cho họ, khi nhận chứng từ như thế nào thì sẽ chuyển đi như vậy.
- **Collecting Bank – Ngân hàng thu hộ:** là ngân hàng đại diện cho người trả tiền, thông thường ở nước người trả tiền là ngân hàng thu hộ, ngân hàng này có thể do ngân hàng chuyển chỉ định (nếu người xuất khẩu không nêu rõ) hoặc có thể do người xuất khẩu đề nghị trong thư yêu cầu nhờ thu của mình.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

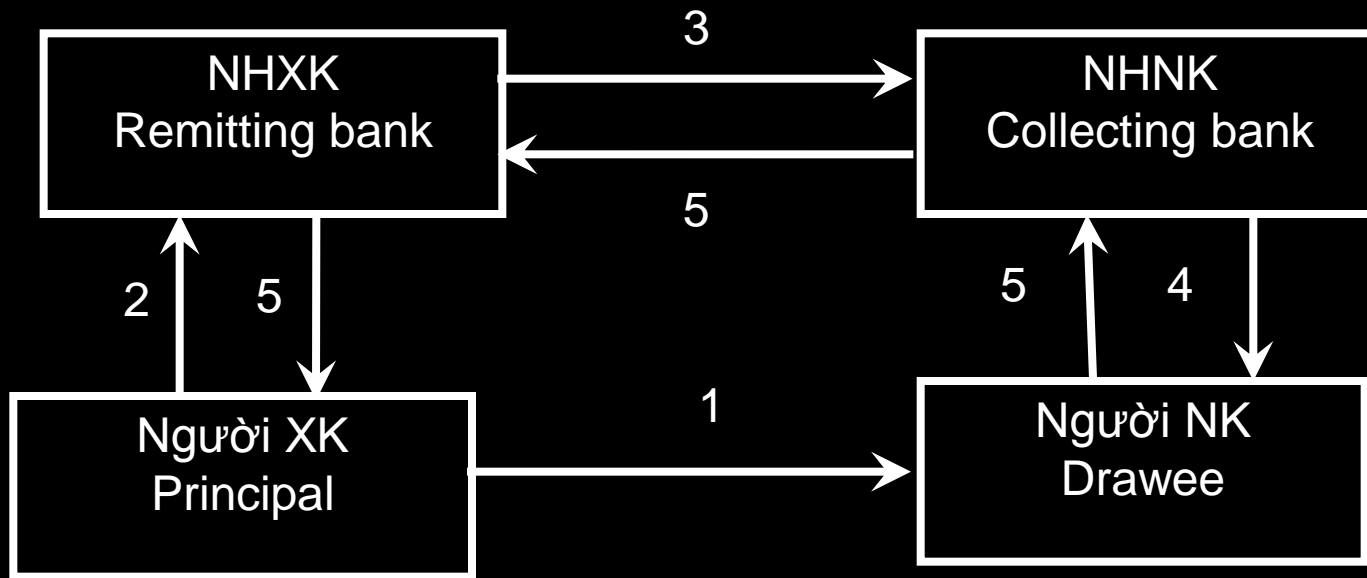
6. Các loại nhờ thu

a. Nhờ thu trơn – Clean Collection:

- Định nghĩa:

Phương thức nhờ thu trơn là một phương thức thanh toán mà trong đó người có các khoản tiền phải thu từ các công cụ thanh toán nhưng không thể tự mình thu được cho nên phải **ủy thác cho Ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán đó** không kèm với điều kiện chuyển giao chứng từ.

QUY TRÌNH NHỜ THU



1. Giao hàng và chứng từ

2. Lập Hối phiếu và viết chỉ thị nhờ thu.

5. Người NK tiến hành trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu

4. Xuất trình hối phiếu để đòi tiền (at sight/time Draft)

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

- ***Nhận xét:***

- + Việc nhận hàng không liên quan tới việc thanh toán.
- + Quyền lợi của người xuất khẩu không được đảm bảo. Người nhập khẩu có thể nhận hàng mà không trả tiền.
- + Chưa sử dụng hết chức năng của ngân hàng. Vai trò của ngân hàng chỉ đơn thuần, không chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra.

- ***Trường hợp áp dụng:***

- + Để thanh toán các dịch vụ phí mà người bán cấp cho người mua.
- + Hai bên mua- bán hoàn toàn tin cậy lẫn nhau.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

6. Các loại nhờ thu:

b. Nhờ thu kèm chứng từ – Documentary Collection:

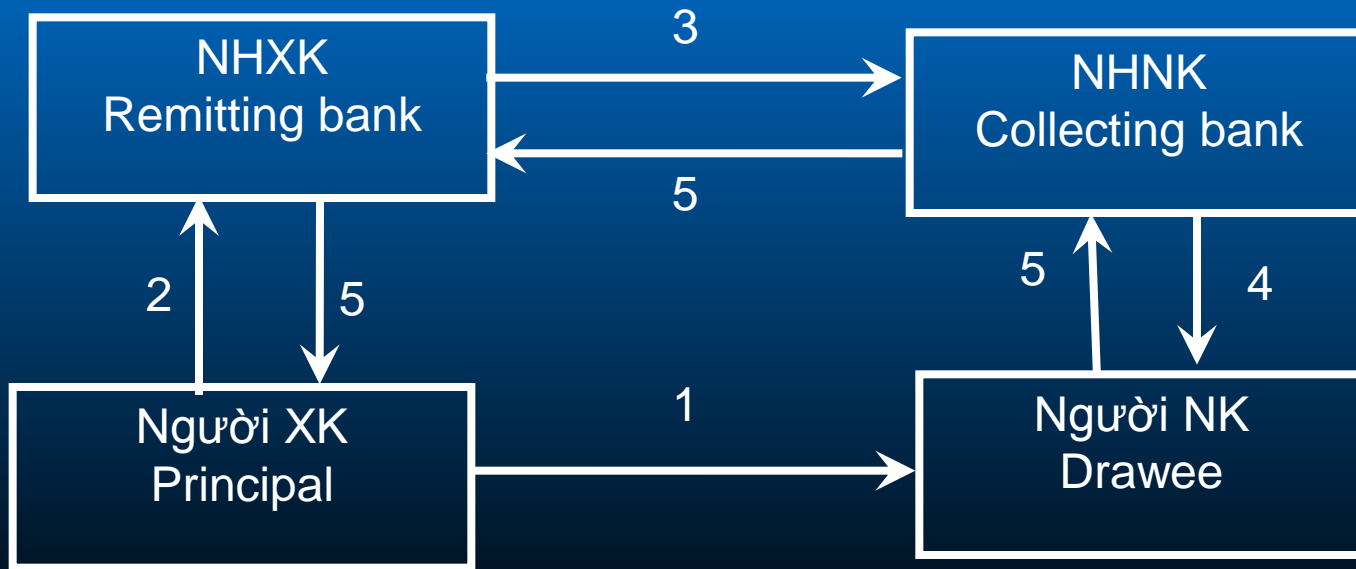
- Là loại nhờ thu dựa vào chứng từ tài chính cùng với chứng từ thương mại hoặc chỉ dựa vào chứng từ thương mại (trong trường hợp này hóa đơn thương mại thay cho hối phiếu).
- Các điều kiện trao chứng từ:

D/P: Documents Against Payment

D/A: Documents Against Acceptance

D/TC: Documents Against other Terms & Conditions

Documentary collection



1. Giao hàng

2. Lập chứng từ thanh toán hoặc chứng từ thương mại và viết chỉ thị nhờ thu.

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu và chứng từ giao hàng

4. Xuất trình hối phiếu và chứng từ giao hàng để đòi tiền (D/P; D/A; D/TC)

5. Người NK tiến hành kiểm tra chứng từ nếu thấy chứng từ phù hợp thì trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền và thu vận tải đơn về.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU (COLLECTION)

- Nhận xét:

Ưu điểm: người nhập khẩu muốn có chứng từ, hoá đơn để nhận hàng thì phải thực hiện các điều kiện nhờ thu.

Nhược điểm: người nhập khẩu không muốn nhận hàng (do rất nhiều lý do, ví dụ như giá hàng hạ xuống v.v...) thì người xuất khẩu không lấy được tiền.

→ **Hạn chế phương thức nhờ thu nói chung và phương thức nhờ thu kèm chứng từ nói riêng.**



**PHƯƠNG THỨC
TÍN DỤNG CHỨNG TỪ**
Documentary credit

L/C

1. Khái niệm

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận theo đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của một khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) hoặc nhân danh chính mình cam kết sẽ trả một số tiền nhất định cho một người thứ ba (người hưởng lợi) hoặc phải chấp nhận hối phiếu do người hưởng lợi ký phát và trả tiền khi đáo hạn với điều kiện là các chứng từ do người hưởng lợi lập và xuất trình phải phù hợp với các quy định trong L/C.

L/C

Đơn yêu cầu phát hành L/C

Letter of credit

Nhà NK

NHPH

Nhà XK

Luật Việt Nam

- Bộ Luật dân sự 2005
- Pháp lệnh ngoại hối 2005

Tập quán quốc tế

- UCP 600
- ISBP

2. Nguồn luật điều chỉnh

A. LUẬT QUỐC TẾ: chưa có

B. TẬP QUÁN QUỐC TẾ

- * *UCP 600 , 2007 (Uniform custom and practice for the documentary credit 600)*
- * *ISBP 745 , 2010- International standard banking practices.*
- * *eUCP 1.1 , 2007 - Supplement to UCP600 for presentation of electronic documents.*
- * *URR 725, ICC, 2008- Uniform rules for bank to bank reimbursement under documentary credit.*

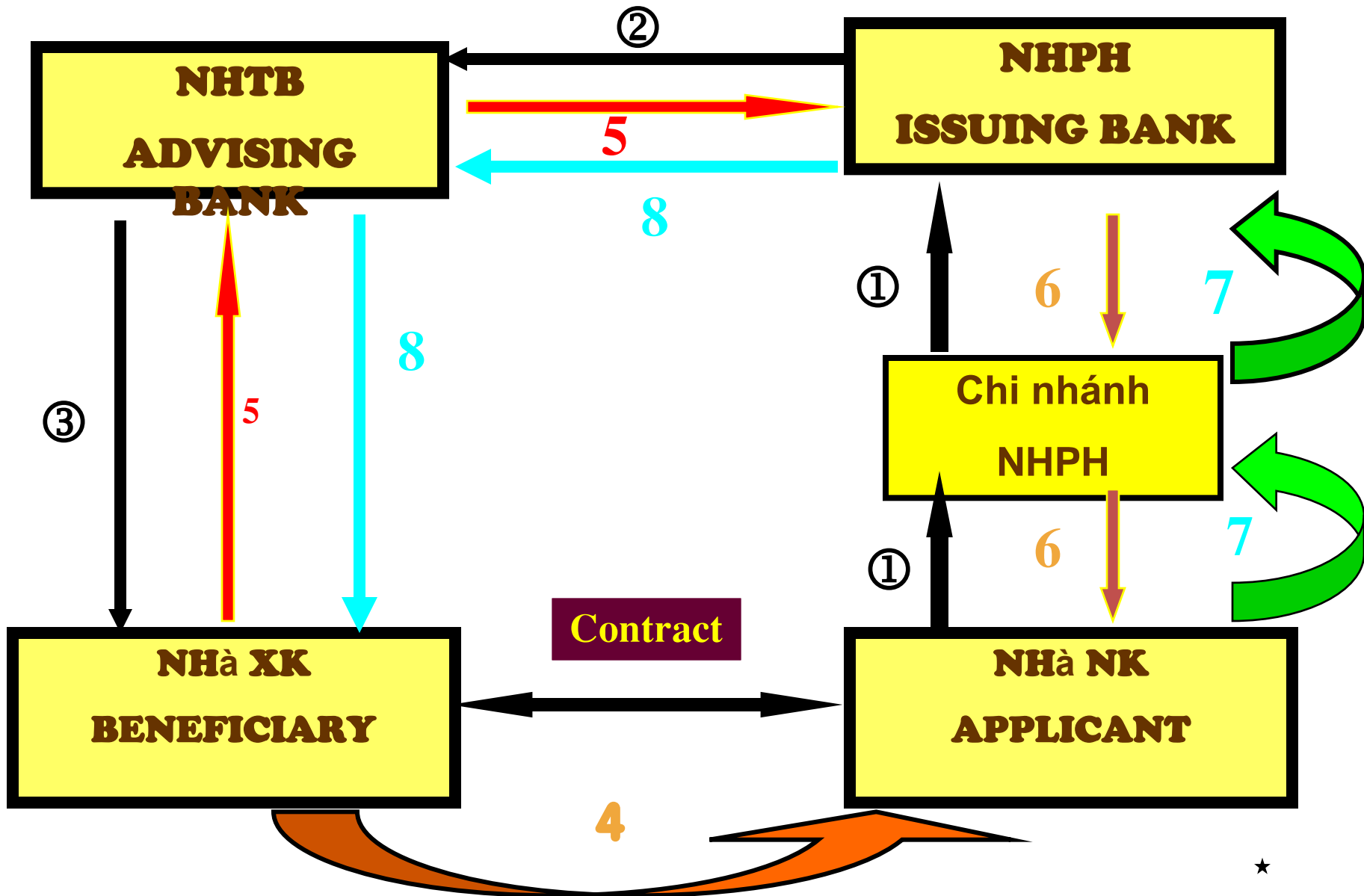
TÍNH CHẤT PHÁP LÝ CỦA BỘ TẬP QUẢN ĐIỀU CHỈNH L/C

- ***Là tập quán quốc tế.***
- ***Các quy phạm tùy ý lựa chọn áp dụng, không bắt buộc.***
 - + Nếu áp dụng: dẫn chiếu vào L/C.
 - + Cách áp dụng:
 - Theo các điều khoản hoặc quy tắc của Bộ tập quán.
 - Có thể khác các điều khoản hoặc các quy tắc của Bộ tập quán.
 - Không áp dụng một hay một số điều khoản hoặc quy tắc của Bộ tập quán.
- ***Một số quy phạm bắt buộc không thể làm trái bản chất của thanh toán bằng L/C.***
- ***Tính chất đồng thuận:***
 - + Tùy ý lựa chọn, nhưng phải đồng thuận.
 - + Mọi việc sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ các nội dung của L/C phải có sự đồng thuận.
- ***Mối quan hệ giữa các Bộ tập quán về L/C và Luật quốc gia:***
Không được làm trái với các quy định của Luật quốc gia có liên quan.

3. CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Người yêu cầu mở L/C (Applicant)
- Ngân hàng phát hành thư tín dụng (Issuing Bank)
- Người hưởng lợi thư tín dụng (Beneficiary)
- Ngân hàng thông báo thư tín dụng (Advising bank)

QUY TRÌNH THANH TOÁN L/C



QUY TRÌNH

- (1) Gửi đơn yêu cầu phát hành thư tín dụng và tiến hành ký quỹ.
- (2) Phát hành L/C qua Ngân hàng đại lý cho Người xuất khẩu hưởng lợi.
- (3) Ngân hàng thông báo tiến hành thông báo L/C và chuyển bản gốc L/C cho Người hưởng lợi.
- (4) Giao hàng.
- (5) Xuất trình chứng từ đòi tiền Ngân hàng phát hành L/C.
- (6) Ngân hàng phát hành thông báo kết quả kiểm tra chứng từ cho Người yêu cầu.
- (7) Người yêu cầu chấp nhận hay từ chối thanh toán.
- (8) Ngân hàng phát hành thông báo chấp nhận hay từ chối nhận chứng từ.

Tín dụng chứng từ

Các loại L/C:

- L/C có thể hủy bỏ (Revocable L/C): NH mở L/C và người NK có thể sửa đổi, bổ sung hoặc có thể hủy bỏ L/C mà không cần báo trước cho người hưởng lợi
- L/C không thể hủy bỏ (Irrevocable L/C)
- L/C xác nhận (Confirmed L/C)
- L/C chuyển nhượng (Transferable L/C): người thụ hưởng có quyền yêu cầu NH của mình chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ tín dụng cho người thụ hưởng khác

Tín dụng chứng từ

Các loại L/C:

- L/C tuần hoàn (Revolving L/C): người hưởng lợi sau khi sử dụng xong hoặc đã hết thời hạn hiệu lực thì tự động có giá trị như cũ và cứ như vậy tuần hoàn cho đến khi nào tổng giá trị của HĐ được thực hiện hoàn tất
- L/C giáp lưng (Back to back L/C): là 1 L/C mới mở dựa trên 1 L/C đã có (gốc) cho người thụ hưởng khác

Tín dụng chứng từ

Các loại L/C:

- L/C đối ứng (Reciprocal L/C): L/C đối ứng được phát hành hoặc có hiệu lực khi có 1 L/C khác đối ứng với nó được phát hành
- L/C điều khoản đỏ (Red Clause L/C): là L/C có điều khoản theo đó NHPH cam kết sẽ ứng trước cho người hưởng lợi 1 phần giá trị của L/C khi người hưởng lợi xuất trình biên nhận hoặc cam kết sẽ xuất trình chứng từ trong thời hạn hiệu lực của L/C

Thank you for listening!

